TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KẾ SÁCH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **154**/2024/DS-ST
Ngày: 31 - 7 - 2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Việt.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hoàng Bảy.

Bà Tăng Thị Bạch Vân.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lý Hồng Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 31 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 174/2024/TLST-DS, ngày 16 tháng 5 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 253/2024/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa dân sự sơ thẩm số: 197/2024/QĐST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty J. Địa chỉ: thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của Công ty J: Ông J1 - Nhân viên. Địa chỉ: thành phố Hồ Chí Minh. (Là người đại diện theo ủy quyền, theo Giấy ủy quyền số 585 ngày 07/5/2024 của Công ty J) (vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông L. Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/3/2024 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty J do ông J1 là người đại diện hợp pháp trình bày:* Vào ngày 30/5/2023, ông L ký hợp đồng tín dụng số 930100004198308000 với Công ty J vay tiền mặt theo hình thức trả góp hàng tháng. Số tiền vay là 40.000.000 đồng, lãi suất là 46,4400%/năm, thời hạn vay là 24 tháng. Thực hiện hợp đồng Công ty đã giải ngân số tiền trên theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng và ông L đã nhận tài sản. Theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng thì ông L có trách nhiệm thanh toán bao gồm gốc, lãi và phí trong vòng 24 tháng, mỗi tháng ông L phải thanh toán cho

Công ty số tiền là 2.588.671 đồng vào trước hoặc đúng ngày 12 hàng tháng cho đến khi kết thúc hợp đồng. Ngày thanh toán đầu tiên bắt đầu từ 12/7/2023.

Từ ngày 10/7/2023 đến ngày 11/12/2023, ông L thanh toán cho Công ty được số tiền là 13.047.880 đồng, trong đó tiền gốc là 4.820.230 đồng, lãi trong hạn là 8.123.125 đồng, lãi quá hạn là 44.525 đồng, phí là 60.000 đồng. Tuy nhiên, từ sau ngày 11/12/2023 đến nay, ông L không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty và cố tình lẫn tránh. Vì vậy, việc ông L không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán đã vi phạm nghiêm trọng thỏa thuận mà hai bên đã ký kết, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của Công ty.

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/3/2024, Công ty J yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông L phải thanh toán một lần toàn bộ khoản nợ cho Công ty tổng số tiền tính đến hết ngày 22/3/2024 là 41.349.169 đồng, trong đó nợ gốc là 35.179.770 đồng, lãi trong hạn là 5.856.592 đồng, lãi quá hạn là 252.807 đồng, phí là 60.000 đồng. Ông L tiếp tục phải thanh toán cho Công ty tiền lãi, lãi quá hạn và phí từ sau ngày 22/3/2024 cho đến khi hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng.

Theo văn bản đề nghị xét xử vắng mặt và bảng kê tiền lãi gửi cho Tòa án, ông J1 là người đại diện hợp pháp của Công ty J yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông L phải thanh toán một lần toàn bộ khoản nợ cho Công ty tổng số tiền tính đến hết ngày 31/7/2024 là 49.092.175 đồng, trong đó nợ gốc là 35.179.770 đồng, lãi trong hạn là 11.720.182 đồng, lãi quá hạn là 2.084.223 đồng, phí là 108.000 đồng. Ông L tiếp tục phải thanh toán cho Công ty tiền lãi, lãi quá hạn và phí từ sau ngày 31/7/2024 cho đến khi hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng.

* *Bị đơn ông L:* Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã cấp, tống đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông L nhưng ông L không có mặt tham gia tố tụng theo các giấy triệu tập của Tòa án và cũng không có ý kiến trình bày hay yêu cầu gì trong vụ án này.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông J1 là người đại diện hợp pháp của Công ty J vắng mặt nhưng trong văn bản đề nghị xét xử vắng mặt thì ông J1 vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện của Công ty; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Theo đơn khởi kiện, Công ty J yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông L trả số tiền vay còn nợ theo hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết; Tòa án nhân dân huyện Kế Sách thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng tín dụng là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Kế Sách không có tiến hành thu thập chứng cứ và vụ án không thuộc các trường hợp khác theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách không tham gia phiên tòa sơ thẩm.

[3] Ông L là bị đơn, có địa chỉ cư trú tại ấp A, xã B, huyện Kế Sách; Tòa án nhân dân huyện Kế Sách thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của Công ty J là ông J1 vắng mặt nhưng có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt, ông L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do và không thuộc trường hợp sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, việc vắng mặt cũng không ảnh hưởng đến việc xét xử; Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[5] Tại hợp đồng tín dụng số 930100004198308000 ngày 30/5/2023 được ký kết giữa bên cho vay là Công ty J với bên vay là ông L thì ông L thỏa thuận vay của Công ty với số tiền vốn vay là 40.000.000 đồng, phương thức cho vay là vay từng lần, lãi suất thỏa thuận theo tháng là 3,8700%, lãi suất thỏa thuận theo năm là 46,4400%, thời hạn vay là 24 tháng…; hợp đồng cho vay này được các bên ký kết theo quy định của pháp luật; Công ty đã tiến hành giải ngân số tiền vốn vay 40.000.000 đồng cho ông L nhận; tính đến ngày xét xử sơ thẩm 31/7/2024 ông L còn nợ Công ty tổng số tiền là 49.092.175 đồng, trong đó nợ gốc là 35.179.770 đồng, lãi trong hạn là 11.720.182 đồng, lãi quá hạn là 2.084.223 đồng, phí là 108.000 đồng. Việc thỏa thuận vay tiền giữa ông L với Công ty là hoàn toàn tự nguyện, bình đẳng, không trái với quy định của pháp luật và đạo đức xã hội, nhằm xác lập quyền và nghĩa vụ của các bên trong giao dịch dân sự là hợp đồng, phù hợp với quy định tại các Điều 116, 117, 118 Bộ luật Dân sự năm 2015, hình thức và nội dung của hợp đồng phù hợp với quy định tại các Điều 119, 398, 463 Bộ luật Dân sự năm 2015; hợp đồng đã có hiệu lực theo quy định tại Điều 401 Bộ luật Dân sự năm 2015; thời hiệu khởi kiện về hợp đồng vẫn còn theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do ông L vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc theo thỏa thuận trong hợp đồng cho vay nên Công ty yêu cầu ông L trả cho Công ty toàn bộ nợ gốc và lãi là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 95 Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Từ đó, việc Công ty yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông L trả cho Công ty số tiền vay còn nợ là 49.092.175 đồng nêu trên, là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Kể từ ngày 01/8/2024 (ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm) cho đến khi thi hành án xong, ông L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ; trường hợp trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Công ty thì lãi suất mà ông L phải tiếp tục thanh toán cho Công ty cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Công ty (điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019).

[7] Về việc Công ty yêu cầu ông L trả số tiền vay còn nợ trong một lần thì Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét, vì việc trả số tiền vay còn nợ theo phương thức nào (một lần, nhiều lần hay hàng tháng, hàng quý…) là thuộc thẩm quyền của

cơ quan thi hành án, các đương sự có quyền tự thỏa thuận với nhau tại giai đoạn thi hành án.

[8] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty, buộc ông L có nghĩa vụ trả cho Công ty số tiền vay còn nợ là 49.092.175 đồng.

[9] Về án phí sơ thẩm: Công ty không phải chịu án phí sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp; ông L phải chịu án phí sơ thẩm tương ứng với số tiền là 49.092.175 đồng x 5% = 2.454.609 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 116, 117, 118, 119, 357, 398, 401, 429, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 95 Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty J về việc yêu cầu ông L trả số tiền nợ vay.

Buộc ông L phải có nghĩa vụ trả cho Công ty J số tiền vay còn nợ là 49.092.175 đồng (*Bốn mươi chín triệu không trăm chín mươi hai nghìn một trăm bảy mươi lăm đồng*), gồm nợ gốc là 35.179.770 đồng, lãi trong hạn là 11.720.182 đồng, lãi quá hạn là 2.084.223 đồng, phí là 108.000 đồng.

Kể từ ngày 01/8/2024 cho đến khi thi hành án xong, ông L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Công ty J thì lãi suất mà ông L phải tiếp tục thanh toán cho Công ty J cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Công ty J.

2. Về án phí sơ thẩm:

Công ty J không phải chịu án phí sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà Công ty J đã nộp (do ông J1 là người nộp thay) là 1.033.729 đồng

(*Một triệu không trăm ba mươi ba nghìn bảy trăm hai mươi chín đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003790, ngày 10 tháng 5 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

Ông L phải chịu án phí sơ thẩm với số tiền là 2.454.609 đồng (*Hai triệu bốn trăm năm mươi bốn nghìn sáu trăm lẻ chín đồng*).

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự (02);
- VKSND huyện Kế Sách (01);
- Chi cục THADS huyện Kế Sách (01);
- TAND tỉnh Sóc Trăng (01);
- Lưu HSVA, Văn phòng (02).

Nguyễn Quốc Việt